TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 134/2023/DS-ST
Ngày: 22 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ông Thái Trung Nghĩa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Ngọc T - phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V; địa chỉ: Số D đường N, khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Trần Đình T1, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số I, đường Đ, khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Hồ Bửu T2, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số I, đường Đ, khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng(vắng mặt)

2/ Bà Trần Đình H, sinh năm 1963. Địa chỉ: khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2022 (BL01-02) của nguyên đơn Ngân hàng N cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/01/2016, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (A - Chi nhánh T V) với bà Trần Đình T1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201600082. Theo Hợp đồng Ngân hàng cho bà T1 vay số tiền 200.000.000Mục đích vay: Nuôi tômlãi suất 7%/năm; thanh toán trả lãi hàng quý, trả nợ một lần khi đến hạn; thời hạn vay là 12 thángĐể đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, bà Trần Đình T1, ông Hồ Bửu T2 và bà Lâm Thị K đã ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp tài sản số 008/2016/P1/HĐTC ngày 28/01/2016, để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bà Trần Đình T1 (tuy nhiên đến nay bà Lâm Thị K đã chết), thế chấp tài sản như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 023358, có diện tích 65,5m^2, thửa số 538; tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện V (Nay là UBND thị xã V) cấp cho bà Lâm Thị K ngày 15/07/2005. Tính đến hết ngày 22/9/2023, tổng nợ của bà Trần Đình T1 là: 270.217.777 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 Nợ lãi trong hạn: 54.133.333 đồng. Nợ lãi quá hạn: 16.084.444 đồng.

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Đình T1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng N với số tiền 270.217.777 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 Nợ lãi trong hạn: 54.133.333 đồng. Nợ lãi quá hạn: 16.084.444 đồng và buộc bà Trần Đình T1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201600082 ngày 29/01/2016 kể từ ngày 23/9/2023 cho đến ngày thực tế bà Trần Đình T1 trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N. Trường hợp, nếu bà Trần Đình T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà Lâm Thị K theo Hợp thế chấp tài sản số 008/2016/P1/HĐTC ngày 28/01/2016 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Trần Đình T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Bửu T2, bà Trần Đình H vắng mặt tại các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng

xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Đình T1 phải thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn với số tiền 270.217.777 đồng. Trong đó: Nợ gốc 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 54.133.333 đồng; Nợ lãi quá hạn: 16.084.444 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201600082 ngày 29/01/2016 kể từ ngày 23/9/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn bà Trần Đình T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Bửu T2, bà Trần Đình H, nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Đình T1, ông Hồ Bửu T2, bà Trần Đình H theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng N có ký Hợp đồng tín dụng 7606LAV201600082 ngày 29/01/2016 với bên vay bà Trần Đình T1, mục đích vay để nuôi tôm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T1 trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 có nghĩa vụ thực hiện trả tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn, Ngân hàng N với bị đơn bà Trần Đình T1 là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N về việc yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2023) với tổng số

tiền 270.217.777 đồng. Trong đó: Nợ gốc 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 54.133.333 đồng; Nợ lãi quá hạn: 16.084.444 đồng.

[4.1] *Xét Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201600082 ngày 29/01/2016 Hội đồng xét xử thấy*: Theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 29/01/2016 và giấy nhận nợ bà T1 nhận tiền vay của Ngân hàng là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 7%/năm và lãi suất quá hạn là 8,4%/năm. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc bà T1 thực hiện trả nợ gốc và lãi nhưng bà T1 vẫn không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các đương sự, các đương sự thừa nhận không ai phản đối tình tiết đã giao kết Hợp đồng, cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay để nuôi tôm là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, buộc bà Trần Đình T1 thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử (22/9/2023) là 270.217.777 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 23/9/2023 cho đến khi trả hết nợ vay.

[4.2] *Đối với nợ lãi*: Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201600082 ngày 29/01/2016 có lãi suất thỏa thuận 7%/năm đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị Ngân hàng xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] *Xét Hợp đồng thế chấp tài số 008/2016/P1/HĐTC ngày 28/01/2016 Hội đồng xét xử thấy:* Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bà Trần Đình T1, bà Lâm Thị K, ông Hồ Bửu T2 đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 023358, có diện tích 65,5m^2, thửa số 538; tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện V (Nay là UBND thị xã V) cấp cho bà Lâm Thị K ngày 15/07/2005. Các bên tham gia có đủ điều kiện về chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức, xã hội và có đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu

cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là đúng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 008/2016/P1/HĐTC ngày 28/01/2016 mà các bên đã ký kết.

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/02/2023 (BL42-45) quyền sử dụng đất được các đương sự thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm sau:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AC 023358, có diện tích 65,5m^2, thửa số 538; tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khóm B, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện V (Nay là UBND thị xã V) cấp cho bà Lâm Thị K ngày 15/07/2005. Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà xây tường, nền trán xi măng, mái lợp tol thiết sống vuông và mái lợp tol xi măng, cửa cây. Hiện trạng nhà khóa cửa không ai sử dụng.

[4.4] Tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Đình T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/9/2023 với số tiền là: 270.217.777 đồng. Trong đó: Nợ gốc 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 54.133.333 đồng; Nợ lãi quá hạn: 16.084.444 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 23/9/2023) bị đơn bà Trần Đình T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201600082 ngày 29/01/2016 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) bà Trần Đình T1 phải chịu. Do Ngân hàng N đã tạm ứng trước nên bà T1 có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T1 có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 325; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7; khoản 2 Điều 8; Điều 10; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn bà Trần Đình T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Trần Đình T1 phải thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng N, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2023) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 200.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 54.133.333 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 16.084.444 đồng.

Tổng cộng 270.217.777 đồng (hai trăm bảy mươi triệu hai trăm mười bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 23/9/2023) bà Trần Đình T1 còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201600082 ngày 29/01/2016 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Đình T1 không thanh toán số tiền nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thị xã V phát mãi tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 008/2016/P1/HĐTC ngày 28/01/2016 đã ký để Ngân hàng thu hồi nợ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Bửu T2 và bà Trần Đình H phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản để phát mãi.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) bà Trần Đình T1 phải chịu. Ngân hàng N đã tạm ứng trước nên bà T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên lại cho Ngân hàng.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Trần Đình T1 phải chịu 13.510.889 đồng (mười ba triệu năm trăm mười

nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.331.188 đồng (sáu triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn một trăm tám mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006047 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng